

Số: 1295 /QĐ-TTKN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-TS-VP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHCN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Xét báo cáo ngày 12/6/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý Kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT với số HQ.3K.0002 cho 95 sản phẩm sản xuất trong nước của Công ty TNHH Một Thành Viên Provimi, địa chỉ: Lô số 17, Đường số 14, KCN Giang Điền, phường Tam Phước, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm của sản phẩm kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực 02 năm từ ngày ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị đối với sản phẩm nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận, Công ty TNHH Một Thành Viên Provimi được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH Một Thành Viên Provimi, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Giám đốc TT (b/c);
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Yên



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số 1295/QĐ-TTNN ngày 30 tháng 6 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1.	ANT VIT PMX SEA FISH AND SHRIMP	Lô số 17, Đường số 14, KCN Giang Diền, phường Tam Phước, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	QCVN 02-31- 2:2019/ BNNPTNT
2.	AV2		
3.	CM AQUAMIX VIT FOR TILAPIA 7		
4.	EWOS-VIT PMX NEW STANDARD 2		
5.	FCV5100		
6.	FCV5200		
7.	FISH VIT PMX 50180		
8.	FISH VITAMIX		
9.	MCF AQUAVITA (LOAI 1)		
10.	GC92290		
11.	NUTRI C		
12.	PMC FISH VITAMIN PREMIX		
13.	PMX VIT CA		
14.	PMX VIT TOM		
15.	PREMIX CA BA 191V		
16.	PROHACID BASIC		
17.	QUALIFISH		
18.	SCV7100		
19.	SCV7300		
20.	SH VITAMIN 0,3%		
21.	SHRIMP VIT PMX 91908-NO GELATIN		
22.	SHRIMP VIT PMX PROVIOX 11908		
23.	SHRIMP VIT PMX PROVIOX 81908		
24.	SHRIMP VITAMIX		
25.	TILAPIA VIT PMX 11904		
26.	V777 SJ		
27.	VITALEC FISH +		
28.	VITAMIN PREMIX-83117		
29.	Allmix Aqua Bionik		

TT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
30.	AMY PREMIX CA TRA & BASA		
31.	AQUA BASEMIX 4%		
32.	BIOMAR PREMIX VIETNAM 1		
33.	CALCI TÔM		
34.	CALOLACTONE		
35.	CLAG DA PREMIX CÁ		
36.	CM PREMIX CA		
37.	DAH CATFISH PREMIX CM 3251		
38.	DAH TILAPIA PREMIX CM 3252		
39.	FO PREMIX CA TRA		
40.	GD CATFISH PREMIX 02		
41.	HCF PREMIX 2015		
42.	HH FISH		
43.	NUTRI FISH		
44.	NUTRIGOLD		
45.	NUTRISHRIMP		
46.	PREMIX 210A		
47.	PREMIX AQUA 0.5%		
48.	PREMIX CA 2		
49.	PREMIX CA 2 NEW		
50.	PREMIX N80		
51.	PREMIX N82		
52.	PREMIX TILAPIA		
53.	PREMIX US210		
54.	PREMIX VITAMIN KHOANG CHO ECH		
55.	PROMIX CÁ LÓC 0.5%		
56.	PROMIX CATFISH 0.25%		
57.	PROMIX FISH 0,5%		
58.	PROMIX FISH 0.5% GPP		
59.	PROMIX FISH SAVE 0,5% GPP		
60.	PROMIX FISH SAVE 0.5%		
61.	PROMIX FISH SAVE VH 0.5%		



TT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
62.	PROMIX FISH SF 0,5%		
63.	PROMIX TROPICAL FISH 0,25% GPP		
64.	PROMIX TROPICAL FISH 0.25%		
65.	PROMIX TROPICAL FISH GPP25 - 0.25%		
66.	PROMIX WHITE CATFISH PLUS 0,5%		
67.	PROMIX CATFISH PLUS 0.5%		
68.	PROMIX FISH PLUS 0.5%		
69.	PROMIX WHITE CATFISH 0,5% GPP		
70.	TRH BA 193C-X05 0.25%		
71.	VITASOL E+		
72.	ZYME FISH +		
73.	PROFISH 60		
74.	REPROFISH		
75.	AM2		
76.	ANT MIN PMX SHRIMP 2		
77.	CM AQUAMIX MIN FOR TILAPIA 7		
78.	EXTRAMIX MINERAL 6 CM		
79.	EXTRAMIX MINERALS 2025 CM		
80.	EWOS-MIN PMX NEW STANDARD 2		
81.	FCM500		
82.	FISH MIN PMX 51085		
83.	FISH MINEMIX		
84.	M777 SJ		
85.	GC9000 FISH		
86.	MCF_MINERAL PREMIX (LOAI 1)		
87.	MIN PX-83016		
88.	MINERAL PREMIX 91086		
89.	PMC FISH MINERAL PREMIX		
90.	PREMIX CA BA 191M		
91.	SCM700		
92.	SH MINERAL 0.3%		



TT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
93.	SHRIMP MIN 51086		
94.	SHRIMP MINEMIX		
95.	WS PX FISH - MINERAL		

